

Số: 129 /QĐ-CTHADS

Bến Tre, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách nhà nước năm 2025

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BTP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động, thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 1637b/QĐ-BTP ngày 30 tháng 5 năm 2014 Quyết định về phê duyệt đơn giá trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, của công chức, viên chức, người lao động làm công tác thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2017 Quyết định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, cho người lao động và kế toán nghiệp vụ trong các cơ quan thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1482/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 1841/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

Căn cứ công văn số 5249/TCTHADS-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thông báo chi tiết một số nội dung giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho Văn phòng Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cục Thi hành án dân sự; Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KBNN tỉnh, huyện;
- Lưu: VT^(Tuyệt).



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Nghiệp



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre

Mã số ĐVSĐNS: 1054171

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	(335.231.000)
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	(188.916.000)
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	(146.315.000)
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	(335.231.000)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	(188.916.000)
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	(146.315.000)



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre

Mã số ĐVSDNS: 1035668

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	39.659.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	22.239.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.420.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	39.659.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	22.239.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	17.420.000

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành

Mã số ĐVSDNS: 1035667

Mã chương: 014

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	41.426.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	23.011.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	18.415.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	41.426.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	23.011.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	18.415.000



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại

Mã số ĐVSDNS: 1035665

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	39.406.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	24.021.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.385.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	39.406.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	24.021.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	15.385.000

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm

Mã số ĐVSDNS: 1035666

Mã chương: 014

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	40.830.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	23.065.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.765.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	40.830.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	23.065.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	17.765.000



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri

Mã số ĐVSDNS: 1035664

Mã chương: 014

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	37.110.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	21.725.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.385.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	37.110.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	21.725.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	15.385.000

Handwritten signature in blue ink.

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam

Mã số ĐVSDNS: 1035618

Mã chương: 014

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	39.204.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	21.439.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	17.765.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	39.204.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	21.439.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	17.765.000

Handwritten signature in blue ink.



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Mỏ Cày Bắc

Mã số ĐVSDNS: 1098083

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	(175.347.000)
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	(187.732.000)
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	12.385.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	(175.347.000)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	(187.732.000)
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	12.385.000



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú

Mã số ĐVSDNS: 1035663

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	38.009.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	21.289.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	16.720.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	38.009.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	21.289.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	16.720.000

ml



ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách

Mã số ĐVSDNS: 1035588

Mã chương: 014

*(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CTHADS
ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre)*

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Số tiền
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ THI HÀNH ÁN	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	234.934.000
	Trong đó: Kinh phí thực hiện tự chủ	219.859.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.075.000
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)	234.934.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	219.859.000
2	Kinh phí không thực hiện không tự chủ (Trang phục)	15.075.000

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH BẾN TRE
Điện thoại liên hệ: 037533839 233



DANH SÁCH NHẬN TIỀN MẶT VÀ HIỆN VẬT TRANG PHỤC NĂM 2025
ĐVT: 1000 đồng

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG		SỐ TIỀN			HIỆN VẬT		TIỀN MẶT			GHI CHÚ
		CÔNG CHỨC	HỢP ĐỒNG	CÔNG CHỨC	HỢP ĐỒNG	TỔNG CỘNG	CÔNG CHỨC	HỢP ĐỒNG	CÔNG CHỨC	HỢP ĐỒNG	CỘNG	
1	VP Cục	24	5	92.310	5.775	98.085	61.080	760	31.230	5.015	36.245	Tập vụ nhận tiền mặt không đo may
2	TP Bến Tre	10	4	27.600	8.130	35.730	15.200	3.110	12.400	5.020	17.420	
3	Châu Thành	11	4	32.985	10.430	43.415	19.590	5.410	13.395	5.020	18.415	
4	Bình Đại	10	3	33.900	9.665	43.565	21.500	6.680	12.400	2.985	15.385	
5	Giồng Trôm	11	4	32.835	4.590	37.425	19.090	570	13.745	4.020	17.765	
6	Ba Tri	11	2	28.785	4.790	33.575	15.390	2.800	13.395	1.990	15.385	
7	Mỏ Cày Nam	11	4	34.935	8.280	43.215	21.190	4.260	13.745	4.020	17.765	
8	Mỏ Cày Bắc	7	4	21.635	5.860	27.495	13.270	1.840	8.365	4.020	12.385	
9	Thạnh Phú	10	4	25.800	8.130	33.930	14.100	3.110	11.700	5.020	16.720	
10	Chợ Lách	9	4	26.565	5.860	32.425	15.510	1.840	11.055	4.020	15.075	
Tổng cộng				357.350	71.510	428.860	215.920	30.380	141.430	41.130	182.560	

Handwritten signature/initials

**TỔNG CỤC THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
CHO VĂN PHÒNG CỤC, CHI CỤC THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ HUYỆN, THÀNH PHỐ**
(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-CTHADS ngày 13/5/2025 của Cục Thị hành án dân sự tỉnh Bến Tre)



ĐVT: Đồng

Trong đó										
Kinh phí giao thực hiện tự chủ			Kinh phí giao không thực hiện tự chủ			Loại 070 khoản 085				
STT	Đơn vị	TỔNG CỘNG	KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340-KHOẢN 341)	Nguồn 13			Nguồn 12			Kinh phí đào tạo
				TỔNG	Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức	Chi thường xuyên theo định mức	TỔNG	Kinh phí triển khai Nghị quyết số 107/2015/QH13 về thực hiện chế độ định thầu phát lại	Kinh phí may trang phục	
A	B	1=2+20	2	3=sum(4:10)	4	5	6=7+8	7	8	9=10
	BẾN TRE	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	VP cục THA tỉnh	-335.231.000	-335.231.000	(188.916.000)		(188.916.000)	(146.315.000)		(146.315.000)	-
2	THA TP. Bến Tre	39.659.000	39.659.000	22.239.000		22.239.000	17.420.000		17.420.000	-
3	THA Châu Thành	41.426.000	41.426.000	23.011.000		23.011.000	18.415.000		18.415.000	-
4	THA Bình Đại	39.406.000	39.406.000	24.021.000		24.021.000	15.385.000		15.385.000	-
5	THA Giồng Trôm	40.830.000	40.830.000	23.065.000		23.065.000	17.765.000		17.765.000	-
6	THA Ba Tri	37.110.000	37.110.000	21.725.000		21.725.000	15.385.000		15.385.000	-
7	THA Mỏ Cày Nam	39.204.000	39.204.000	21.439.000		21.439.000	17.765.000		17.765.000	-
8	THA Mỏ Cày Bắc	-175.347.000	-175.347.000	(187.732.000)	(163.390.000)	(24.342.000)	12.385.000		12.385.000	-
9	THA Thạnh phú	38.009.000	38.009.000	21.289.000		21.289.000	16.720.000		16.720.000	-
10	THA Chợ Lách	234.934.000	234.934.000	219.859.000	163.390.000	56.469.000	15.075.000		15.075.000	-

